

Tin tưởng và hy vọng nơi Chúa: phân tích Thánh Vịnh 130

Trust and hope in the Lord: Analysis of Psalm 130

Micae Thân Trọng Hưng, M.F.^{1*}

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam

* Email của tác giả liên hệ: micaethantronghung@gmail.com

<https://doi.org/10.54855/csl.24435>

© Copyright (c) 2024 Micae Thân Trọng Hưng

Received: 27/07/2024

Revision: 19/09/2024

Accepted: 26/06/2024

Online: 27/09/2024

Tóm Lược

Bài viết phân tích Thánh Vịnh 130 dựa trên nội dung diễn tiến, từ lời than khẩn lên Thiên Chúa đến sự xác quyết niềm tin tưởng và hy vọng vào ơn tha thứ của Thiên Chúa. Được đặc trưng bởi sự kêu gọi tha thứ, lời tuyên xưng về lòng bao dung, và niềm hy vọng vào sự cứu rỗi, Thánh Vịnh 130 là một minh chứng cho sự tin tưởng sâu sắc vào Thiên Chúa và lòng từ bi của Ngài. Thông qua việc phân tích kỹ lưỡng, bài nghiên cứu này không chỉ nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa và tầm quan trọng của Thánh Vịnh 130 trong bối cảnh thần học, mà còn cung cấp cho người đọc một nguồn cảm hứng để đối mặt và vượt qua thách thức trong cuộc sống với niềm tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa.

Từ khóa: Thánh Vịnh 130, cầu nguyện, ơn tha thứ, tin tưởng, ơn cứu độ, hy vọng

Abstract

The article analyzes Psalm 130 based on its progression, from the plea to God to the affirmation of trust and hope in God's forgiveness. Characterized by the plea for forgiveness, the proclamation of mercy, and the hope for salvation, Psalm 130 is a testament to deep faith in God and His compassion. Through thorough analysis, this study not only highlights the meaning and importance of Psalm 130 in a theological context, but also provides readers with a source of inspiration to face and overcome life's challenges with faith and hope in God.

Keywords: Psalm 130, prayer, forgiveness, trust, salvation, hope

Tổng Quan Về Thánh Vịnh 130

Vị Trí Của Thánh Vịnh 130 Trong Toàn Bộ Khối Thánh Vịnh

Thánh Vịnh 130 nằm trong quy điển của Công Giáo. Thánh Vịnh này được sử dụng trong phụng vụ của Ki-tô giáo. Xét theo cách đánh số, Thánh Vịnh 130 ở đây được đánh số theo bản Do Thái. Thánh Vịnh này sẽ được đánh số 129 trong bản Latin và Hy Lạp. Vì lý do đó, Nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ sẽ đánh số Thánh Vịnh này là “Tv 130 (129)”.

Thánh Vịnh 130 thuộc khối Thánh Vịnh Lên Đền, quyển thứ V, nằm ở vị trí bài số 7 trong tổng số 15 bài Thánh Vịnh Lên Đền. Khối Thánh Vịnh Lên Đền lại bao gồm nhiều văn thể khác nhau như: Thánh Vịnh ca thán, Thánh Vịnh phó thác, Thánh Vịnh tạ ơn... Tuy nhiên, ranh giới giữa những thể Thánh Vịnh không rõ ràng.

Thể Loại Của Thánh Vịnh 130

Thánh Vịnh 130 thuộc thể loại ca thán. Thánh Vịnh này được xếp vào 6 hoặc 7 Thánh Vịnh ca thán (tùy theo cách mà tác giả chọn chứ không có một quy chuẩn chung nào cả).¹ Thánh Vịnh 130 được đưa vào khối Thánh Vịnh Lên Đền và thuộc thể loại ca thán vì 3 lý do. Thứ nhất, ngay tựa đề của Thánh Vịnh đã đề “ca khúc của những cuộc đi lên” hay “Thánh Vịnh Lên Đền”. Thứ hai, Thánh Vịnh 130 bắt đầu với lời kêu than lên Thiên Chúa. Thứ ba, vịnh gia trong Thánh Vịnh 130 kêu xin ơn tha thứ của Thiên Chúa.²

Các tiêu chuẩn về cấu trúc của Thánh Vịnh theo thể loại ca thán rất đa dạng và phong phú.³ Không phải Thánh Vịnh nào cũng đáp ứng đầy đủ cả tiêu chuẩn của Thánh Vịnh ca thán. Tuy nhiên, một cách chung nhất, Thánh Vịnh ca thán có thể được phân tích theo cấu trúc:⁴

1. Phần khẩn cầu Thiên Chúa (Tv 130, 1)
2. Phần ca thán về tình cảnh (Tv 130, 1-3)
3. Phần thỉnh xin (Tv 130, 1-2)
4. Phần diễn tả sự tin tưởng vào lời cầu xin (Tv 130, 5-7)
5. Lời thề hứa sẽ ca ngợi Thiên Chúa (Tv 130 thiếu phần này)

Dựa theo tiêu chuẩn trên, Thánh Vịnh 130 hợp nhất và hội tụ gần đủ các yếu tố để được gọi là Thánh Vịnh ca thán. Dù có những tác giả xếp Thánh Vịnh 130 vào những thể loại khác nhưng đa số đều đồng ý để Thánh Vịnh 130 thuộc thể ca thán.

Thánh Vịnh 130 có thể được xem là Thánh Vịnh ca thán của một cá nhân là vịnh gia, hoặc cũng có thể được xét là Thánh Vịnh ca thán của cả một cộng đoàn. Nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ thì cho rằng đây là Thánh Vịnh ca thán của một cá nhân. Nếu là Thánh Vịnh ca thán của cộng đoàn thì giả thuyết khả tín nhất đó là một cộng đoàn phụng vụ. Về vấn đề này, chúng ta rất khó xác định và thường cũng có nhiều bất đồng giữa các học giả. Thậm chí, nhiều học giả cũng thừa nhận rằng chính họ cũng không xác quyết về việc xác định xem một Thánh Vịnh thuộc một cá nhân hay thuộc một cộng đoàn.⁵

Bản Văn Kinh Thánh Được Sử Dụng Trong Bài Viết: Tiếng Hebrew, Tiếng Anh, Và Tiếng Việt

Bản tiếng Híp-ri lấy từ trang mạng *Bible Hub* với phần chú thích và diễn giải từ vựng theo từ điển của *Strong*. Bản dịch tiếng Việt của Thánh Vịnh 130 trong bài nghiên cứu này lấy từ bản *KPB, ấn bản Kinh Thánh 2021*. Một số trích dẫn Kinh Thánh khác thì lấy theo bản *KPA, ấn bản Kinh Thánh 2011* vì ấn bản 2021 chưa khả dụng.

¹ W. Brueggemann và W. H. Bellinger, *Psalms* (New York: Cambridge University Press, 2014), 551.

² Lee Roy Martin, “Lament and Hope in Psalm 130,” *Pharos Journal of Theology*, no. 100 (2019): 2.

³ Lee Roy Martin trong “Lament and Hope in Psalm 130” chia thành 7 phần nhưng có những tác giả khác chia thành 5 hoặc 6 phần.

⁴ William P. Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms* (New York: Oxford University Press, 2014), 115-116. Phần chia cấu trúc là của tác giả, còn phần áp dụng vào Tv 130 là của học viên.

⁵ Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms*, 117

Khi so sánh ba bản dịch tiếng Việt về Thánh Vịnh 130 của nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ thì có thể thấy rằng bản *KPB, ấn bản 2021* dịch sát nghĩa nhất với nguyên ngữ Híp-ri nhưng lại không được chau chuốt và vần điệu như bản *Lời Chúa Cho Mọi Người hay bản KPA, ấn bản Kinh Thánh 2011*.

Bản tiếng Anh sẽ chọn hai bản khi cần thiết là *New International Version (NIV)* và *King James Version (KJV)*.

Phân Chia Bố Cục Thánh Vịnh 130

Thánh Vịnh 130 có thể được chia theo nội dung diễn tiến: 4 phần, mỗi phần 2 câu (1-2, 3-4, 5-6, 7-8)⁶.

Nếu phân chia theo chủ thể hướng tới thì Thánh Vịnh 130 có thể được chia làm 2 phần: 4 câu đầu (1-4) hướng về Thiên Chúa và cầu xin; 4 câu sau (5-8) hướng về cộng đoàn và lời thúc giục cộng đoàn.⁷

Còn đối với Nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ, Thánh Vịnh 130 được chia làm 3 phần: 2 câu đầu (1-2) là lời khẩn cầu dâng lên Thiên Chúa; 2 câu tiếp theo (3-4) là niềm tin tưởng đặt nơi Thiên Chúa về ơn tha thứ; và phần cuối là 4 câu còn lại (5-8) là sự chờ mong ơn cứu chuộc.

Cấu trúc của Thánh Vịnh 130 cũng có thể chia theo mẫu thức soi gương. Tuy nhiên, cấu trúc này chỉ phù hợp từ câu 3 đến câu 8.⁸

- A. Nếu như Ngài giữ các lỗi lầm, lạy ĐỨC CHÚA, lạy CHÚA TÊ, ai sẽ đứng vững?
- B. Vì với Ngài là sự tha thứ, để Ngài được kính sợ
- C. Tôi đợi trông ĐỨC CHÚA, hồn tôi đợi trông, và nơi lời Người tôi hy vọng.
- C'. Hồn tôi hướng về CHÚA TÊ, hơn những người canh gác hướng về buổi sáng, những người canh gác hướng về buổi sáng,
- B'. Ít-ra-en hãy hy vọng vào ĐỨC CHÚA, vì nơi ĐỨC CHÚA là tình thương, và nơi Người, ơn cứu chuộc dồi dào.
- A'. Chính Người sẽ cứu chuộc Ít-ra-en khỏi mọi lỗi lầm của họ.

Trong bài viết này, học viên sẽ chọn cách phân chia theo diễn tiến nội dung là chính. Thánh Vịnh 130 sẽ được chia thành 4 phần, mỗi phần 2 câu. Thỉnh thoảng trong bài viết cũng sử dụng cách chia theo 2 khối: 1-4 và 5-8. Sau đây, bài viết sẽ tiếp tục đi vào phần phân tích nội dung của Thánh Vịnh 130 theo bốn giai đoạn diễn tiến nhằm làm nổi bật lên chủ đề tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa nơi Thánh Vịnh 130.

Niềm Tin Tưởng Và Hy Vọng Vào Thiên Chúa - Phân Tích Thánh Vịnh 130

Lời Than Khẩn Lên Thiên Chúa – Hoàn Cảnh Và Ước Mong Của Vịnh Gia (Tv 130, 1-2)

(1) Từ những chốn thăm sâu, con kêu lên Ngài, lạy ĐỨC CHÚA,

(2) lạy CHÚA TÊ, xin nghe tiếng con. Chớ gì đôi tai Ngài chú tâm đến tiếng van nài của con.

Đối tượng hướng đến của lời mở đầu Thánh Vịnh 130 chính là ĐỨC CHÚA nhưng sau đó lại là CHÚA TÊ; và sau đó luân phiên giữa 2 danh xưng này. Cùng một Thánh Vịnh tương đối

⁶ Cách chia thành 4 cặp từ 1 đến 8 được nhiều học giả chọn dùng khi chú giải Thánh Vịnh 130.

⁷ Allen P. Ross, *A Commentary on the Psalms: volume 3 (90-150)* (MI: Kregel Publications, 2016), 711.

⁸ Martin, "Lament and Hope in Psalm 130," 3.

ngắn, chỉ có 8 câu, nhưng ở đây sử dụng 2 thuật từ khác nhau. ĐỨC CHÚA: יהוה - (yeh-ho-vaw') – tên riêng của Thiên Chúa của Ít-ra-en; và CHÚA TÊN: אֲדֹנָי - (ad-o-noy') – Chúa của muôn dân. Như thế, trong lời ca thán của vịnh gia, ông không những tuyên xưng Chúa là Chúa của ông, mà ông còn tuyên xưng Chúa là Chúa của muôn dân nước. Điều này cũng hợp lý khi nói rằng Thánh Vịnh ca thán nói ‘về Chúa’ và ‘với Chúa’. Còn các thể loại khác thường ‘nói về Chúa’ hơn.⁹ Thánh Vịnh 130 ‘nói về Chúa’ (chẳng hạn như câu 4, 7, 8) và ‘nói với Chúa’ (câu 1, 2, 3). Vịnh gia nói với ĐỨC CHÚA là Chúa của Ít-ra-en và nói về Chúa là CHÚA TÊN muôn dân.

Lời ca thán của vịnh gia vọng lên từ ‘chôn thăm sâu: מַחְשְׁבֹתַי - (ma-'ă-maq). Chôn thăm sâu có thể được hiểu cả theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng đều được. Chôn thăm sâu ở đây nhằm nói lên sự khốn khổ và đau buồn của vịnh gia hay của cộng đoàn trong đó bao gồm cả vịnh gia. Năm chỗ trong Kinh Thánh cũng sử dụng từ này là: Tv 69, 2; Tv 69, 15; Is 51, 10; Ed 27, 34. Tất cả bối cảnh sử dụng từ này đều liên quan đến nước như: dưới lòng biển, chỗ nước sâu, nước lũ. Và tất cả đều nằm trong sự khốn cùng, đau khổ và nguy hiểm. Tuy nhiên, chỉ duy nhất ở Thánh Vịnh 130, ‘chôn thăm sâu’ có liên hệ trực tiếp đến tình trạng tội lỗi. Còn ‘chôn thăm sâu’ ở những nơi khác trong Kinh Thánh thì gần như không hoặc rất ít liên hệ với tội lỗi.¹⁰

Hành động đầu tiên của vịnh gia là ‘kêu lên’. Động từ ‘kêu’ trong câu 1 không thể hiện nội dung lời ca thán của vịnh gia nhưng đây chỉ tựa như lời người con gọi người cha để người cha chú ý hay ít ra là biết đứa con của mình đang muốn gặp cha. Cách cụ thể, câu 1 và 2 trong Thánh Vịnh 130 chưa cho thấy nội dung điều mà vịnh gia muốn xin nơi Thiên Chúa. ‘Kêu lên’ ở đây còn mang cả cường độ của nét nghĩa ‘thét lên, gào lên’.

Việc khẩn nài Thiên Chúa ‘nghe’ và ‘lắng tai’ cho thấy sự vắng bóng của Thiên Chúa trong khi vịnh gia đang ở ‘những chôn thăm sâu’. Sự vắng bóng của ĐỨC CHÚA là đặc điểm nổi bật của thể loại Thánh Vịnh ca thán.¹¹ ‘שמע’ nghĩa là ‘nghe’ và còn có nghĩa là ‘đáp trả’ hay ‘respond’. Vậy lời của vịnh gia thốt lên và muốn Thiên Chúa không những ‘nghe’ mà còn muốn Thiên Chúa ‘đáp trả’ (có thể bằng lời hoặc bằng hình thức nào đó) lời kêu khẩn của ông. ‘שמע’ (nghe) và ‘קשב’ (lắng nghe) được chia ở thể mệnh lệnh cách.¹² Đây không nên hiểu là Thánh Vịnh đang ra lệnh cho ĐỨC CHÚA của ông. Mà qua thể mệnh lệnh cách ấy, vịnh gia thể hiện được nhu cầu cấp bách và khẩn thiết của ông khi kêu cầu lên Thiên Chúa.¹³

Từ ‘nghe’ ở câu này, trong bản Híp-ri, xuất hiện rất hiếm trong Kinh Thánh. Từ này chỉ có ở 2 Sbn 6, 40; 7, 15. Đồng thời từ ‘sự tha thứ’ trong Tv 130, 4 chỉ xuất hiện ở Nkm 9,17 và Dn 9,9. Hai từ này chỉ xuất hiện và được sử dụng trong bối cảnh hậu lưu đày. Từ đây, có thể kết luận rằng Thánh Vịnh 130 nằm trong bối cảnh hậu lưu đày.¹⁴

Vịnh gia xin Thiên Chúa nghe và lắng nghe lời của ông bằng ‘đôi tai’. ‘אָזְנוֹתַי’ – đôi tai – ears – thuật từ này xuất hiện rất nhiều lần trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, hầu hết từ này xuất hiện trong hai mối tương quan lớn. Thứ nhất, đó là tương quan của một vị đại diện (hay Thiên Chúa) với dân chúng. Thứ hai, tương quan của người cha và người con.¹⁵ Và ở đây, ‘đôi tai’ được đề cập đến trong Thánh Vịnh 130 với cả hai mối tương quan. Thứ nhất là mối tương

⁹ Ibid., 4.

⁹ Ibid., 4.

¹⁰ Brueggemann và Bellinger, *Psalms*, 551.

¹¹ Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms*, 115-116.

¹² Ross, *A Commentary*, 711-712.

¹³ “Text Analysis – Hebrew - Psalm 130, 2,” Bible Hub, truy cập ngày 01 tháng 6 năm 2022, Biblehub, <https://biblehub.com/text/psalms/130-2.htm>.

¹⁴ Craig C. Broyles, *Psalms* (MI: Baker Publishing Group, 1999), 973, <https://it.vn1lib.org/book/2821661/9600ec>.

¹⁵ Bible Hub, <https://biblehub.com/hebrew/241.htm>, accessed 3 May 2022.

quan giữa vịnh gia với Thiên Chúa (câu 1, 2, 5, 6). Thứ hai là mối tương quan giữa cộng đoàn với Thiên Chúa (câu 3, 7, 8).

Ở câu 2, vịnh gia xin Thiên Chúa dùng đôi tai mà lắng nghe tiếng van nài của ông. ‘Tiếng van nài’- ‘תַּהֲנִיחַ’ – đây là một danh từ hoá chứ không phải là một động từ (gốc của một động từ được dùng như danh từ), nếu chuyển thành động từ thì chưa hợp nên mới kết hợp thêm từ ‘tiếng của con’ để trở thành ‘tiếng van nài của con’. Tuy nhiên, nếu vậy thì vẫn chưa đủ nét nghĩa. Theo tiếng Híp-ri, ‘תַּהֲנִיחַ’ nghĩa là ‘lời cầu xin để được ban ân sủng’ hay ‘lời cầu xin để được ân thưởng’. Bởi lẽ, trong ‘תַּהֲנִיחַ’ có ‘חַ’ nghĩa là ‘ân sủng’ hay ‘ân ban’ – ‘a plea for grace’ hay ‘a plea for favor’. Ở Thánh Vịnh 51 cũng sử dụng từ này để nói đến việc xin ân sủng ‘be gracious to me’ (Tv 51, 1-3). Do đó, có thể kết luận rằng vịnh gia đang xin Thiên Chúa ban ân sủng cho ông.¹⁶

Vậy, đầu tiên, vịnh gia chỉ muốn Thiên Chúa nghe thấy tiếng của người. Sau đó, vịnh gia cụ thể hoá bằng việc xin Thiên Chúa nghe ‘tiếng van nài’ mà tiếng van nài ấy chính là lời xin ân sủng. Qua đây, lời cầu xin của vịnh gia cho thấy sự khao khát mãnh liệt để Thiên Chúa đoái nhìn đến và ban ân sủng cho vịnh gia và cho cộng đoàn.

Lời Tuyên Xưng Về Lòng Bao Dung Tha Thứ Của Thiên Chúa – Xác Quyết Và Tin Tưởng Vào Ôn Tha Thứ Của Thiên Chúa (Tv 130, 3-4)

(3) Nếu như Ngài giữ các lỗi lầm, lạy ĐỨC CHÚA, lạy CHÚA TÊ, ai sẽ đứng vững?

(4) Vì với Ngài là sự tha thứ, để Ngài được kính sợ.

Lại một lần nữa, ĐỨC CHÚA và CHÚA TÊ được sử dụng trong cùng một phân đoạn. Điều này có thể đặt trong mối liên hệ trong mối tương quan của Ít-ra-en với ĐỨC CHÚA và muôn dân với CHÚA TÊ. Dù là Ít-ra-en hay muôn dân, lời xác quyết và tin tưởng của vịnh gia vẫn có giá trị. Nhờ đó, câu hỏi mà vịnh gia đặt ra không chỉ dành cho dân Ít-ra-en mà còn áp dụng với mọi dân.

Câu hỏi đặt ra ở đây không phải là một câu hỏi tìm kiếm một đáp án cụ thể mà đây là một câu hỏi tu từ. Câu số 3 bắt đầu với một mệnh đề điều kiện ‘nếu như Ngài giữ các lỗi lầm’ và kết thúc với một mệnh đề nghi vấn “ai sẽ đứng vững?” để tạo thành một câu hỏi.¹⁷ Vịnh gia không đi tìm câu trả lời cho mệnh đề “ai sẽ đứng vững?”. Mà qua câu hỏi này, hai ý được rút ra. Thứ nhất, ‘nếu như Ngài giữ các lỗi lầm’ làm tương phản lên thực tế là “Thiên Chúa không giữ những lỗi lầm”. Thứ hai, “ai sẽ đứng vững?” làm tương phản lên thực tế là ‘với Ngài là sự tha thứ’.

‘Vì với Ngài là sự tha thứ’: Chữ ‘vì’ ở đây thì chưa làm nổi bật lên nghĩa của từ ‘כי’ trong tiếng Híp-ri. Trong bản tiếng Híp-ri, ‘כי’ ý nghĩa tiếng Anh đầy đủ là ‘but’; tiếng Việt thì nên hiểu là ‘nhưng’. Câu đầy đủ hơn là “nhưng với Ngài là sự tha thứ”. ‘Nhưng’ cho thấy một sự tương phản đối lập một cách mạnh mẽ hơn, dứt khoát hơn. Từ đó làm nổi bật đặc tính tha thứ của Thiên Chúa.¹⁸ Đồng thời, nghệ thuật trong ‘vì với Ngài là sự tha thứ’. Giới từ ‘עִם’ trong tiếng Anh là ‘with’, tiếng Việt là ‘với’. ‘với’ nhằm diễn tả và làm nổi bật chủ thể là ‘Ngài’. ‘Ngài’ là đối tượng trọng tâm của câu chứ không phải là sự tha thứ.¹⁹ Nghĩa là nhấn mạnh vào chủ thể chứ không phải đặc tính.

¹⁶ Martin, “Lament and Hope in Psalm 130,” 4-5.

¹⁷ Ross, *A Commentary*, 713.

¹⁸ Martin, “Lament and Hope in Psalm 130,” 5.

¹⁹ Ross, *A Commentary*, 714.

Vịnh gia thốt lên rằng Thiên Chúa tha thứ cho con người để chính Ngài được kính sợ. Động từ ‘אָרְרָא’ – ‘to be feared’ – ‘được kính sợ’. Động từ ‘sợ’ được chia ở một thể khá hiếm và xuất hiện duy nhất ở đây. Mục đích của việc ‘sợ’ ở đây là nhằm liên hệ với ‘sự tha thứ’. Vì được tha thứ, vịnh gia trở nên sợ Thiên Chúa. Cái sợ của vịnh gia là sợ thất trung, sợ tội lỗi từ đó mà trở nên trung tín và vâng lời Thiên Chúa là Đấng có quyền cả trên thân xác lẫn linh hồn.²⁰ Ở đây, ‘được kính sợ’ không mang nét nghĩa tiêu cực nhưng mang tính chất trang nghiêm, kính trọng Thiên Chúa.

Lời Chứng Của Vịnh Gia - Sự Trông Cậy Và Hy Vọng Vào Thiên Chúa (Tv 130, 5-6)

(5) Tôi đợi trông ĐỨC CHÚA, hồn tôi đợi trông, và nơi lời Người tôi hy vọng.

(6) Hồn tôi hướng về CHÚA TÊN, hơn những người canh gác hướng về buổi sáng, những người canh gác hướng về buổi sáng.

Người thốt ra câu Thánh Vịnh này đã được xác định nhưng đối tượng hướng đến của câu này là ai thì ngay tại câu số 5-6 chưa thể xác định. Nếu dựa vào câu 7-8 thì có thể phỏng đoán rằng vịnh gia đang muốn đưa ra lời chứng của chính bản thân về sự trông cậy và hy vọng vào Thiên Chúa. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu rằng vịnh gia thốt ra những lời này nhưng đối tượng hướng đến có thể là chính bản thân ông với Thiên Chúa (câu 1-4) hoặc cũng có thể là cộng đoàn ông muốn hướng tới (câu 7-8).

Vịnh gia đang chờ đợi và hy vọng ở ‘lời Người’. Lời đó có thể là lời ban ơn tha thứ cho ông và cho cộng đoàn qua những lời tiên tri hay của tư tế trong nghi thức thanh tẩy hay nghi thức xin tha thứ tội lỗi nào đó.²¹

Ở đây, trong câu 5-6, từ ‘đợi’ mang nét nghĩa là sự chờ đợi một cách chủ động, một cách tự tin rằng đối tượng chờ đợi sẽ đến hay điều đang mong đợi chắc chắn sẽ đến.²² Đợi ở đây còn nghĩa là đợi chờ với cả tâm hồn. Tâm hồn chờ đợi đại diện cho cả chủ thể chờ đợi. Bởi lẽ, tâm hồn ở đây cũng chính là chủ thể. Sự chờ đợi ở đây không đơn giản chỉ là việc chờ cho thời gian trôi qua hay như chờ với cách thức ‘giết thời gian’ nhưng chờ ở đây là chờ với một niềm xác tín chắc chắn điều chờ đợi sẽ đến.²³ Thêm vào đó, sự chờ đợi ở đây là chờ đợi trong một sự không ngừng nghỉ, ăn không ngon ngủ không yên dù biết rằng điều chờ đợi nhất định sẽ đến. Điều này cho thấy rằng không phải vì chắc chắn Thiên Chúa sẽ đến cứu mà vịnh gia lại ỷ y và tự tin thái quá về sự tha thứ của Thiên Chúa.²⁴

Sự mong đợi và tin tưởng vào Thiên Chúa của vịnh gia được chuyển hoá thành hình ảnh người lính canh gác. Nghĩa là, từ một cảm xúc, một niềm xác tín, hay một quyết tâm được chuyển hoá thành một hình ảnh cụ thể, một biểu tượng dễ hình dung. Từ một thực tại vô hình, vịnh gia đã thể hiện ra qua một thực tại hữu hình.

Người lính canh mong đợi những tia nắng đầu tiên của bình minh, biểu tượng cho sự an lành và khởi đầu mới. Họ đứng gác trên những bức tường vững chãi, phải luôn sẵn sàng để phản ứng kịp thời trước mọi đe dọa từ kẻ địch, đảm bảo cơ hội chiến đấu và bảo vệ an toàn cho thành trì của mình.²⁵ Cho nên, họ phải thức và giữ cho bản thân luôn tỉnh táo. Màn đêm bịt

²⁰ Ibid., 714 -715.

²¹ Ibid., 715-716.

²² Martin, “Lament and Hope in Psalm 130,” 5 -6.

²³ Brueggemann và Bellinger, *Psalms*, 551-552.

²⁴ Ross, *A Commentary*, 715.

²⁵ “Calvary Chapel Ontario Channel – Psalm 130 – My soul waits for the Lord”, Youtube, truy cập ngày 04 tháng 06 năm 2022,

<https://www.youtube.com/watch?v=ZTGCn771BP0&t=50s>.

bùng lại càng làm cho họ thêm hoang mang và sợ hãi. Chính vì thế, họ mong những tia sáng đến. Lúc ấy, họ sẽ có thể nhìn rõ ràng hơn, nhìn xa hơn, và có thể là ca trực đêm của họ cũng sẽ kết thúc. Lúc đó họ sẽ thờ nhẹ nhõm và bình an. Đối tượng chờ đợi của người lính gác trong Tv 130, 6 là hùng đông. Hùng đông là thực tại nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Hùng đông đến và đi, lặp lại mỗi ngày mặc kệ sự hiện hữu của con người. Sự chờ đợi hùng đông của những người lính canh ở đây cho thấy đó là một sự chờ đợi một đối tượng chắc chắn sẽ đến. Đối tượng ấy không bị chi phối bởi loài người. Ánh sáng chiếu toả từ đối tượng ấy không phụ thuộc vào hành động của người đón nhận nó. Cũng thế, trông cậy và hy vọng vào Chúa là điều của con người, còn tình thương và lòng nhân hậu là của Thiên Chúa ban chứ không phải do sự kêu cầu hay đền đáp công ơn của con người. Trước ân sủng của Thiên Chúa, con người không có công trạng chi.

Dường như hình ảnh người lính canh cụ thể hoá sự mong đợi và niềm hy vọng của vịnh gia vào Thiên Chúa. Ngoài ra, hình ảnh người lính canh còn được sánh ví như hình ảnh các tiên tri mong đợi Thiên Chúa, loan báo cho dân chúng, hướng dẫn và làm trung gian dẫn đường. Hình ảnh ấy phù hợp với bối cảnh 4 câu cuối của Tv 130.

Việc lặp lại tới hai lần hình ảnh người canh gác hướng về buổi sáng thể hiện lối hành văn của văn chương Do Thái. Đồng thời, việc lặp lại như thế cũng giúp thể hiện sự mong đợi và hy vọng mãnh liệt vào Thiên Chúa, rằng Ngài sẽ ban lời tha thứ và cứu độ.

Lời Thúc Giục – Hành Động Lan Toả Niềm Tin Tưởng Và Hy Vọng Vào Thiên Chúa (Tv 130, 7-8)

(7) Ít-ra-en hãy hy vọng vào ĐỨC CHÚA, vì nơi ĐỨC CHÚA là tình thương, và nơi Người, ơn cứu chuộc dồi dào.

(8) Chính Người sẽ cứu chuộc Ít-ra-en khỏi mọi lỗi lầm của họ.

Câu 7-8 xác quyết rằng dân Ít-ra-en đã phạm tội, tội đó không chỉ của một cá nhân nhưng là tội của toàn dân.

Cấu trúc của Thánh Vịnh ca thán thường khởi đi từ hành động ca thán sau đó chuyển đến hành động ca ngợi Thiên Chúa.²⁶ Tuy nhiên ở đây, Thánh Vịnh 130 khởi đi từ ca thán và chuyển đến hành động thúc giục. Vịnh gia khởi đi từ lời ca thán của cá nhân, qua trung gian là lời tuyên xưng của bản thân về ơn tha thứ và niềm hy vọng vào Thiên Chúa, để rồi cuối cùng là thúc giục cộng đoàn cũng tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa.²⁷

Từ câu 1-6, vịnh gia sử dụng từ ĐỨC CHÚA – CHÚA TÊN. Thế nhưng, ở cặp câu 7-8 thì vịnh gia thay đổi cách dùng. ĐỨC CHÚA (7) – ĐỨC CHÚA (8). Qua đây cho thấy vịnh gia muốn nhấn mạnh hay nói cách khác là đẩy đỉnh điểm lên tới hạn từ ĐỨC CHÚA. Điểm này cũng khá thích hợp vì ‘ĐỨC CHÚA’ là tên Thiên Chúa của Ít-ra-en. Ở câu 7-8, đối tượng chính yếu và cụ thể là dân Ít-ra-en, thì việc dùng tên riêng của Thiên Chúa của Ít-ra-en thì lại càng thích hợp hơn.

Có hai lý do khiến vịnh gia thúc giục Ít-ra-en tin tưởng và hy vọng vào ĐỨC CHÚA. Thứ nhất, ‘vì nơi ĐỨC CHÚA là tình thương’ và ‘nơi Người, ơn cứu chuộc dồi dào’.

Lý do thứ nhất: ‘vì nơi ĐỨC CHÚA là tình thương’. Câu này sử dụng nghệ thuật văn chương nhằm nhấn mạnh vào ‘ĐỨC CHÚA’ chứ không phải nhấn mạnh vào ‘tình thương’. Theo nguyên ngữ Híp-ri: ‘רַחֵם’ - ‘tình thương’ bao gồm những nét nghĩa: yêu thương, nhân hậu, xót

²⁶ Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms*, 115-116.

²⁷ “Psalm 130 Bible Commentary, Matthew Henry,” Christianity, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2022, <https://www.christianity.com/bible/commentary/matthew-henry-complete/psalm/130>.

thương, trung tín. Đây là những yếu tố khá nổi bật khi nói về ĐỨC CHÚA là Chúa của Ít-ra-en, nhất là trong sách Xuất Hành.²⁸ ‘vì nơi ĐỨC CHÚA là tình thương’: ý niệm này được thể hiện rõ trong Xh 34, 6: “ĐỨC CHÚA đi qua trước mặt ông và xướng: “ĐỨC CHÚA ! ĐỨC CHÚA ! Thiên Chúa nhân hậu và từ bi, hay nén giận, giàu nhân nghĩa và thành tín”.

Lý do thứ hai: ‘và nơi Người, ơn cứu chuộc dồi dào.’ Đây chưa hẳn là một câu thông thường, vì câu này thiếu động từ. Tuy nhiên, gọi đây là câu để dễ phân tích. Và lại, trong tiếng Do Thái, động từ ‘to be’ với nghĩa ‘thì, là’ cũng được hiểu ngầm, không cần viết ra. Chủ thể và đặc tính là một. Với cách đảo ‘và nơi Người’ ra phía trước, câu này nhằm nhấn mạnh vào chủ thể là ‘Người’ chứ không phải là đặc tính ‘ơn cứu chuộc’.²⁹ Qua đó, câu này làm nổi bật lên chủ thể là Thiên Chúa. Cách dịch của Nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ đã giữ lại được trật tự câu từ trong tiếng Híp-ri mà vẫn truyền tải được ý nghĩa trọn vẹn trong tiếng Việt. Đồng thời, câu dịch tiếng Việt vẫn giữ được cấu trúc thiếu động từ như trong câu tiếng Híp-ri cũng thiếu động từ.

“Chính Người sẽ cứu chuộc Ít-ra-en”: câu này nhằm nhấn mạnh ‘chính Người’ chứ không phải một ai khác sẽ cứu chuộc Ít-ra-en. Động từ ‘cứu chuộc’ được chia ở thể tương lai và động từ này cũng được sử dụng để nói về việc Thiên Chúa cứu dân Ít-ra-en ra khỏi Ai Cập, ra khỏi lưu đày Ba-bi-lon.³⁰

Đến đây, chúng ta liên hệ với nhân vật vịnh gia và chất vấn về vai trò của vịnh gia trong việc thúc giục dân Ít-ra-en. Hẳn rằng vịnh gia phải có một vị thế nào đó mới làm được điều đó. Kirkpatrick và Eaton thì cho rằng vịnh gia phải là một người đứng đầu hay ít ra là có quyền thế trong một quốc gia. Còn Kraus thì lại phân vân cho rằng vịnh gia có thể là một cá nhân được ơn chữa lành và đã đứng lên làm chứng trong giờ cử hành nghi lễ nào đó của dân Ít-ra-en. Còn Allen thì cho rằng vịnh gia nói với tư cách cá nhân (câu 1-6) và với tư cách một người phát ngôn của cộng đoàn (câu 7-8)³¹. Riêng với Craig C. Broyles thì rất tự tin cho rằng vịnh gia nói với cả tư cách cá nhân (câu 1, 2, 5, 6) lẫn tư cách cộng đoàn (câu 7,8). Hơn nữa, ông còn cho rằng vịnh gia đang nói trong một buổi cử hành phụng vụ với vai trò người hướng dẫn cộng đoàn. Thậm chí, qua hình ảnh người lính canh gác mong đợi buổi sáng, có thể suy diễn rằng vịnh gia là một tư tế, đang cùng với cộng đoàn chờ đợi ánh hùng đồng xuất hiện để cử hành nghi thức thanh tẩy. Điều này cũng thể hiện vai trò trung gian như đã trình bày ở trên.³²

Vịnh gia với tư cách là người thúc giục, ông kêu gọi Ít-ra-en hãy hành động. Hành động ông thúc giục là ‘hy vọng’. Tuy nhiên, ‘hy vọng’ lại là thứ gì đó bị động, gần như là nằm ngoài tầm kiểm soát của chủ thể thực hiện hành động hy vọng. Điều này rất phù hợp với hình ảnh người lính canh hy vọng màn đêm sẽ trôi qua, những tia sáng của ngày mới sẽ lộ dần. Người lính canh gác cũng hy vọng và niềm hy vọng ấy rất lớn lao và đầy niềm xác tín. Vậy nên, vịnh gia cũng muốn truyền tải thông điệp đến cộng đoàn là hãy hy vọng, hãy tin tưởng vào Thiên Chúa. Ngài chắc chắn sẽ đến để cứu chuộc và giải thoát dân Ít-ra-en ra khỏi tội lỗi của họ.

“Chính Người sẽ cứu chuộc Ít-ra-en khỏi mọi lỗi lầm của họ”. Câu này được chia ở thể ‘quá khứ chưa hoàn thành’ (nghĩa là đã xảy ra trong quá khứ nhưng chưa hoàn thành) và hướng tới

²⁸ Martin, “Lament and Hope in Psalm 130,” 7.

²⁹ Ross, *A Commentary*, 717.

³⁰ Bible Hub, <https://biblehub.com/text/psalms/130-8.htm>, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2022.

³¹ Michael D. Goulder, *The Psalms of the Return (Book V, Psalms 107-150)* (Bath: Sheffield Academic Press, 1998), 84-85.

³² Ross, *A Commentary*, 716.

một tương lai hoàn thành.³³ Vậy có nghĩa là, những ơn tha thứ hay những ân huệ hiện tại (trong bối cảnh của vịnh gia) chưa phải là những ân huệ và ơn tha thứ cuối cùng mà đó chỉ là những điều tạm bợ hay những mắt xích nhỏ, những con đường nhỏ dẫn đến một tương lai. Mà ở đó, ân huệ và ơn tha thứ lần cuối cùng và cho hết thảy mọi người sẽ đến. Những hành động hy vọng và tin tưởng ở hiện tại là những chuẩn bị dọn đường cho một sự cứu chuộc vĩnh viễn. Vì thế, vịnh gia thúc giục Ít-ra-en hãy tiếp tục tin tưởng và hy vọng. Điều này khá là tương hợp với niềm hy vọng của Ít-ra-en đã đến trong Tân Ước. Đó là sự xuất hiện lần thứ hai của Đấng Mê-si-a.³⁴

Ứng Dụng Thánh Vịnh 130 Vào Đời Sống Của Người Ki-Tô Hữu

Chạy đến kêu cầu với Thiên Chúa trong những ‘chốn thăm sâu’. Cuộc sống của mỗi người đều sẽ trải qua những lúc khó khăn, những lúc vất vả, và thậm chí là tuyệt vọng. Thánh Vịnh 130 một lần nữa cho chúng ta cơ hội để nhắc nhở bản thân rằng chúng ta có quyền ca thán với Thiên Chúa. Chúa sẵn sàng nghe lời chúng ta ca thán. Thật vậy, chủ nghĩa cá nhân thái quá dẫn đến việc nhiều người tự trách cứ bản thân và quá khát khe với bản thân; đến mức họ cảm thấy bản thân không dám chạy đến với Chúa để xin Ngài tha thứ. Và họ cứ trượt dài ngày này sang tháng khác. Thánh Vịnh 130 là lời than van của vịnh gia và cũng là lời mà chúng ta cũng có thể kêu cầu lên Thiên Chúa.

Đừng để ma quỷ làm chúng ta nghi ngờ lòng thương xót và sự tha thứ của Thiên Chúa. Lời kêu van của vịnh gia trong Thánh Vịnh 130 làm nổi bật lên lòng nhân hậu và sự tha thứ của Thiên Chúa. Ngày nay có quá nhiều người vì cảm thấy bản thân mang quá nhiều tội lỗi và mặc cảm nên dẫn tới việc họ nghi ngờ chính cả lòng khoan dung đại lượng của Thiên Chúa. Ma quỷ sẽ lợi dụng để đẩy lên trong họ sự nghi ngờ về tình yêu mà Thiên Chúa dành cho mỗi người. Ma quỷ gieo vào lòng họ suy nghĩ rằng tội họ nặng thế thì liệu Thiên Chúa có tha thứ không? Liệu bản thân có đứng vững trước mặt Chúa không? Lời khẳng định của vịnh gia giúp củng cố rằng chúng ta hãy tin tưởng và hy vọng vào ơn tha thứ và tình yêu của Thiên Chúa. Nêu Chúa chấp tội, nào ai đứng vững? Thế nhưng “với Ngài là sự tha thứ” nên dù Ngài có biết tội lỗi của chúng ta nhưng sự tha thứ mà Ngài dành cho chúng ta là vô bờ bến. Nếu chúng không đứng vững trước mặt Ngài thì Ngài sẽ nâng đỡ và kèm cặp chúng ta. Vậy có chi chúng ta lại phải nghi ngờ nữa? Nhưng sự tha thứ của Ngài không phải chỉ để chúng ta hết tội mà còn giúp cải hoán chúng ta; bởi chính khi chúng ta quyết tâm sửa đổi lỗi lầm thì cũng là khi chúng ta ‘để Ngài được kính sợ’. Nhận thức được tội lỗi của bản thân là điều cần thiết nhưng nhận ra lòng yêu thương của Thiên Chúa thì lại càng cần thiết hơn.

Đừng nghĩ bản thân hoàn hảo và cũng đừng quá áp lực để tỏ ra hoàn hảo. “Nếu như Ngài giữ các lỗi lầm, lạy ĐỨC CHÚA, lạy CHÚA TÊN, ai sẽ đứng vững?” Lời của vịnh gia đã cho thấy rằng Thiên Chúa thông suốt và thấu hiểu hết mọi điều. Ngài biết được chúng ta như chúng ta là. Cho nên, nếu thực sự tin ở Chúa, chúng ta không cần phải giả vờ là bản thân đã yêu mến Chúa hết lòng, vì Chúa biết tất cả mọi điều cả khi chúng ta không cần phải nói ra. Chúa biết chúng ta sẽ luôn vẫn còn đó những lỗi lầm, những thiếu sót nên chúng ta chẳng tự vỗ ngực xưng là hoàn hảo. Chúng ta cũng không cần thiết phải tỏ ra hoàn hảo trong cuộc sống. Bởi chính khi tỏ ra hoàn hảo, chúng ta đặt áp lực cho chính bản thân và cho những người xung quanh. Mọi điều Chúa đều thấu suốt nên chúng ta hãy sống như chúng ta là và hướng đến một sự hoàn hảo trong mắt Chúa hơn là trong mắt người đời.

³³ Ibid., 717.

³⁴ Ibid., 717.

Hãy cảm tạ Chúa vì ơn tha thứ của Ngài dành cho chúng ta. Mỗi khi chúng ta đi xưng tội, chúng ta thường xưng thú tội với vị linh mục, sau đó làm việc đền tội, ăn năn sám hối dốc lòng chữa... Thế nhưng, có khi nào chúng ta đã dâng lời cảm tạ Thiên Chúa rằng “lạy Chúa, con cảm tạ Chúa vì đã tha thứ tội lỗi cho con”? Thật vậy, chúng ta thường chỉ xưng tội mà ít khi xác quyết rằng Chúa đã tha thứ những tội đó cho chúng ta. Và cũng ít khi chúng ta dâng lời tạ ơn Thiên Chúa vì đã tha tội cho chúng ta. Vậy, như một sự tin tưởng và hy vọng mà vịnh gia đặt để nơi ơn tha thứ của Thiên Chúa, chúng ta cũng hãy tin tưởng và xác quyết rằng Chúa đã tha những lỗi lầm của chúng ta và thực hành việc dâng lời cảm tạ Thiên Chúa sau mỗi lần lãnh nhận bí tích Hoà Giải.

Giúp người khác cũng tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa rằng Chúa vẫn luôn yêu thương và sẵn sàng tha thứ cho họ. Sau khi đã nhận ra hoàn cảnh trong chốn ‘thẳm sâu’, vịnh gia đã chạy đến với Thiên Chúa, đến với ơn tha thứ của Ngài trong một niềm tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa. Không chỉ dừng lại đó, vịnh gia đã dùng cả kinh nghiệm của bản thân để thúc giục cộng đoàn, thúc giục người khác cũng tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa như cách mà vịnh gia đã làm. Vịnh gia muốn lan toả lòng tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa cho mọi người. Đến lượt chúng ta, chúng ta trước hết hãy tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa và sau đó là đem chính những cảm nghiệm của bản thân để cũng giúp người khác tin tưởng và hy vọng vào Thiên Chúa.

Tài liệu tham khảo

- Allen P. Ross, *A Commentary on the Psalms: volume 3 (90-150)* (MI: Kregel Publications, 2016), 711.
- Bible Hub, <https://biblehub.com/hebrew/241.htm>, accessed 3 May 2022.
- Bible Hub, <https://biblehub.com/text/psalms/130-8.htm>, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2022.
- Craig C. Broyles, *Psalms* (MI: Baker Publishing Group, 1999), 973, <https://it.vn1lib.org/book/2821661/9600ec>.
- Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms*, 117
- Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms*, 115-116.
- “Calvary Chapel Ontario Channel – Psalm 130 – My soul waits for the Lord”, Youtube, truy cập ngày 04 tháng 06 năm 2022, <https://www.youtube.com/watch?v=ZTGCn77lBP0&t=50s>.
- Lee Roy Martin trong “Lament and Hope in Psalm 130” chia thành 7 phần nhưng có những tác giả khác chia thành 5 hoặc 6 phần.
- Martin, “Lament and Hope in Psalm 130,” 3.
- Michael D. Goulder, *The Psalms of the Return (Book V, Psalms 107-150)* (Bath: Sheffield Academic Press, 1998), 84-85.
- “Psalm 130 Bible Commentary, Matthew Henry,” Christianity, truy cập ngày 06 tháng 6 năm 2022, <https://www.christianity.com/bible/commentary/matthew-henry-complete/psalm/130>.
- “Text Analysis – Hebrew - Psalm 130, 2,” Bible Hub, truy cập ngày 01 tháng 6 năm 2022, Biblehub, <https://biblehub.com/text/psalms/130-2.htm>.

W. Brueggemann và W. H. Bellinger, *Psalms* (New York: Cambridge University Press, 2014), 551.

Lee Roy Martin, "Lament and Hope in Psalm 130," *Pharos Journal of Theology*, no. 100 (2019): 2,

William P. Brown, *The Oxford Handbook of the Psalms* (New York: Oxford University Press, 2014), 115-116. Phần chia cấu trúc là của tác giả, còn phần áp dụng vào Tv 130 là của học viên.

Biodata

Micae Thân Trọng Hưng là tu sỹ Dòng M.F., Việt Nam, và là sinh viên Thần học năm 2 tại Học Viện thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Michael Than Trong Hung is a brother of the M.F., Vietnam. He is also a secondyear student of Theology at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.